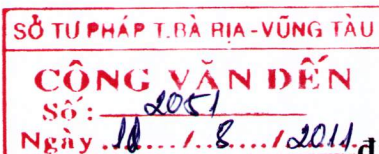


ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 34 /2011/QĐ-UBND

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 08 tháng 8 năm 2011



QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt Quy hoạch chi tiết Giao thông vận tải
đường thủy nội địa tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật ban hành văn quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân,
Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 do Quốc
Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 15/6/2004;

Căn cứ Nghị định số 21/2005/NĐ-CP ngày 01/3/2005 của Chính phủ
quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giao thông Đường thủy nội
địa;

Căn cứ Thông tư số 25/2010/TT-BGTVT ngày 31/8/2010 của Bộ Giao
thông vận tải quy định về quản lý hoạt động của cảng, bến thủy nội địa;

Xét đề nghị của Sở GTVT tại Tờ trình số: 832/TTr.SGTVT ngày 04
/08/2011 v/v phê duyệt quy hoạch chi tiết GTVT đường thủy nội địa tỉnh Bà
rịa – vũng Tàu đến năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết Giao thông vận tải đường thủy
nội địa tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2020 với các nội dung chủ yếu như
sau:

1. Tên dự án: Quy hoạch chi tiết GTVT đường thủy nội địa tỉnh Bà
Rịa – Vũng Tàu đến năm 2020.

2. Chủ đầu tư: Sở Giao thông vận tải Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Mục tiêu quy hoạch:

Làm cơ sở để xây dựng và phát triển hệ thống cảng, bến và đường thủy
nội địa của tỉnh theo quy hoạch thống nhất; Hình thành những trung tâm kết

nối với mạng lưới cơ sở hạ tầng GTVT như: đường bộ, đường sắt, đường biển ... tạo cơ sở vật chất kỹ thuật phát triển KT – XH của tỉnh; Khẳng định vị thế và ưu thế của tỉnh về kinh doanh, khai thác vận tải thủy của tỉnh; Tạo những đầu mối thu gom hàng hóa cho các cảng biển.

4. Hiện trạng các cảng bến đang khai thác:

Hiện nay trên địa bàn tỉnh đang khai thác 36 cảng bến thủy nội địa, chủ yếu là tự phát (Phụ lục 1 kèm theo). Do vậy, trong quá trình quản lý và triển khai quy hoạch, nếu các cảng bến đường thủy nội địa hiện trạng không đảm bảo tiêu chuẩn và an toàn kỹ thuật theo quy định, Sở Giao thông vận tải sẽ xem xét không gia hạn Công bố cảng thủy nội địa hoặc Giấy phép hoạt động cảng bến.

5. Dự báo hàng hóa qua cảng:

Với tốc độ phát triển nhanh của các cảng biển trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu hiện nay thì lượng hàng dự báo thông qua cho các năm từ năm 2010 đến 2015 và 2020 đã được dự báo tăng rất cao vào thời kỳ sau 2010 tức là khi các cảng container bắt đầu đi vào khai thác. Căn cứ vào lượng hàng xuất nhập khẩu và vận tải nội địa qua các năm gần đây của Nhóm cảng số 5, hàng hóa vận tải nội địa chiếm tỷ lệ 10-15% trên tổng lượng hàng qua các cảng biển. Dự báo lượng hàng qua các cảng thủy nội địa của tỉnh (phục lục 2) như sau:

- Năm 2015: Hàng tổng hợp: 3,198 triệu tấn, hàng container: 250.000 TEU, hành khách: 700.000 hành khách.

- Năm 2020: Hàng tổng hợp: 11,889 triệu tấn, hàng container: 564.000 TEU, hành khách: 1,8 triệu hành khách.

6. Dự báo về đội tàu:

Phương tiện vận tải đường thủy nội địa chở lương thực, VLXD, phân bón và đưa hàng, rút hàng xuất nhập khẩu trên các tuyến chính, liên tỉnh (đi Tp.HCM-Đồng Nai - đồng bằng sông Cửu Long, tiểu vùng sông Mekong - Campuchia) là tàu pha sông biển tới 2000T, tàu tự hành 100T-300T/95CV-180CV, Đoàn sà lan 250T-300T+tàu kéo đẩy 225CV-250CV, chở hàng nội tỉnh 100 tấn/125CV.

7. Định hướng quy hoạch:

a, Về quy hoạch cảng bến thủy nội địa:

Căn cứ chức năng, vai trò và vị trí có thể phân chia các dạng cảng nội địa theo các nhóm sau:

STT	Chức năng	Ký hiệu tên nhóm	
		Quy hoạch 2005	Quy hoạch điều chỉnh 2010
1	Cảng trung chuyên hỗ trợ cảng biển	I	I

2	Các bến, cảng phục vụ dân sinh	II	II
3	Các bến, cảng vật liệu xây dựng và Cảng chuyên dùng	III	III
4	Cảng thủy sản	IV	Có Quy hoạch riêng của ngành thủy sản
5	Các bến tàu khách	V	IV

b, Về luồng vào cảng:

Cải tạo, nâng cấp các tuyến vận tải thủy nội địa và kết nối với các tuyến đường thủy trong khu vực để vận chuyển hàng hoá đến đồng bằng sông Cửu Long, miền Đông Nam Bộ và tiểu vùng sông Mêkong, phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển GTVT đường sông Việt Nam đến năm 2020.

8. Quy hoạch chi tiết cảng, bến thủy nội địa đến năm 2020:

Đối với các dự án quy hoạch nằm trong các khu công nghiệp tập trung như: Khu CN Phú Mỹ II, Khu CN Phú Mỹ II mở rộng, khu CN Thanh Bình - Phú Mỹ thực hiện theo quy hoạch các KCN. Các dự án cảng thủy nội địa đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương được cập nhật bổ sung đầy đủ trong quy hoạch điều chỉnh. Hầu hết các tuyến phải nạo vét chỉnh trị cục bộ mới đảm bảo khai thác theo quy hoạch. Trong đó, một số dự án dọc theo rạch Ngã Tư, rạch Tắc Lớn phải chỉnh trị nạo vét trên toàn tuyến mới đảm bảo cho tàu 1.000 tấn đi lại an toàn.

Quy hoạch chi tiết các dự án cảng thủy nội địa gồm:

a, Nhóm I - Nhóm cảng dịch vụ và hỗ trợ cảng biển:

Nhóm cảng dịch vụ và hỗ trợ cảng biển có 22 dự án với tổng chiều dài 9.605m, diện tích 825,3 ha. (phụ lục 4 kèm theo)

b, Nhóm II: Cảng phục vụ dân sinh

Nhóm cảng phục vụ dân sinh gồm 03 dự án với tổng chiều dài 1.610m, diện tích khoảng 101,5 ha. Trong đó, theo ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh, cảng Cây Khê thành phố Vũng Tàu được tách riêng ngoài quy hoạch để xác định lại mục đích sử dụng khu đất và quá trình triển khai dự án, UBND Tỉnh sẽ xem xét quyết định.

c, Nhóm III: Cảng vật liệu xây dựng – Chuyên dùng

Nhóm cảng vật liệu xây dựng gồm 9 dự án, có chiều dài bến 2.680m, diện tích 163,15 ha phục vụ nhu cầu vận chuyển vật liệu và vận chuyển vật tư thiết bị cho các khu dịch vụ công nghiệp, du thuyền trên địa bàn tỉnh.

d, Nhóm IV: Cảng khách

- Bến tàu Cầu Đá (Bãi Trước): để cập tàu cánh ngầm đi tuyến Vũng Tàu - Tp. Hồ Chí Minh, hiện đã được cải tạo nâng cấp quy mô lớn có 2 cầu tàu dài 155m cập tàu cánh ngầm cỡ 250HK và khu dịch vụ HK. Chiều dài bến 155m, diện tích 0,93ha.

- Bến tàu Cát Lờ: phục vụ tàu khách đi Côn Đảo chạy tuyến Vũng Tàu - Côn Đảo (do Ban quản lý cảng cá Bến Đầm quản lý). Hiện nay cảng đã được cải tạo nâng cấp toàn diện để phục vụ cho tuyến tàu khách đi Côn Đảo. Chiều dài bến 110m, diện tích 1,2ha.

- Bến Cầu Quan: đã có một bến cảng cho các tàu khách cỡ 50 ghế phục vụ HK tuyến tỉnh liên kết như Cần Giò (TP.HCM), Vàm Láng (Long An). Chiều dài bến 25m, diện tích 0,5ha.

- Cảng Cảng vụ đường thủy nội tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có chiều dài bến 50m, diện tích 3,5ha.

e, Nhóm V: Cảng tiềm năng

Cảng tổng hợp Gò Găng: Nằm phía hạ lưu cầu Chà Và trên sông Chà Và có chiều dài bến khoảng 200m, diện tích khoảng 4ha. Dự án được triển khai trong tương lai khi có nhu cầu vận chuyển hàng hóa tại khu vực Long Sơn và Gò Găng.

9. Quy hoạch chi tiết luồng thủy nội địa đến năm 2020:

Trong giai đoạn 2010 - 2015, mạng lưới vận tải đường thủy nội địa tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về cơ bản chạy theo tuyến vận tải tự nhiên, chỉ tiến hành cải tạo có mức độ ở những đoạn nông và những đoạn cong gấp (không đạt yêu cầu về chuẩn tắc luồng đã tính toán). Trong giai đoạn 2015 – 2020, tiến hành cải tạo nối thành mạng lưới vận tải liên hoàn để việc vận tải, hỗ trợ lẫn nhau giữa các cảng nội địa được thuận lợi. Riêng đoạn cong của sông Mũi Giúi phải chỉnh trị nạo vét để tàu thuyền có thể chạy thẳng từ cảng Bà Rịa và Cây Khế sang cảng Mỏ Nhát, không phải đi qua vịnh Gành Rái.

Điều 2. Quản lý quy hoạch:

- Sở Giao thông vận tải là cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về quản lý quy hoạch chi tiết GTVT đường thủy sau khi phê duyệt.

- Sở Giao thông vận tải quyết định điều chỉnh cụ thể đối với các cảng đã có trong danh mục trong quy hoạch được duyệt. Trường hợp cần bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đã được phê duyệt, Sở GTVT trình UBND tỉnh xem xét quyết định.

- Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên Môi trường và UBND các huyện, thị xã, thành phố quản lý chặt chẽ quỹ đất theo quy định của pháp luật nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển theo quy hoạch được duyệt.

- Sở GTVT căn cứ vào quy hoạch đã được duyệt triển khai kế hoạch đầu tư phát triển từng kỳ kế hoạch dài hạn, ngắn hạn trình UBND tỉnh phê duyệt để triển khai thực hiện đáp ứng nhu cầu phát triển.

Điều 3. Triển khai thực hiện quy hoạch:

1. Giao cho Sở Giao thông vận tải công bố và căn cứ Quy hoạch chi tiết

GTVT đường thủy nội địa tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2020, xây dựng kế hoạch đầu tư từ nay đến 2020 theo quy hoạch được duyệt.

2. Sở Giao thông vận tải và các sở ngành, địa phương liên quan phối hợp thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật.

3. Nhà nước sẽ đầu tư cải tạo, nâng cấp luồng lạch, có thể kết hợp nguồn vốn của doanh nghiệp để nạo vét luồng lạch, tận thu bùn cát làm vật liệu san lấp các công trình trên địa bàn tỉnh. Đối với các tuyến luồng nhánh vào cảng, do các doanh nghiệp đầu tư nạo vét.

4. Nguồn vốn đầu tư xây dựng phát triển cảng – kho bãi đường thủy nội địa được phép huy động từ nhiều nguồn vốn hợp pháp để đầu tư xây dựng cảng theo quy hoạch.

5. Trình tự đầu tư xây dựng cảng được thực hiện theo đúng Luật Xây dựng và các văn bản hướng dẫn liên quan.

6. Công tác bảo vệ môi trường thực hiện theo đúng Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn liên quan.

7. Thủ tục công bố cảng và hoạt động thủy nội địa theo Thông tư số 25/2010/TT-BGTVT ngày 31/8/2010 của Bộ GTVT v/v quy định về quản lý hoạt động của cảng, bến thủy nội địa.

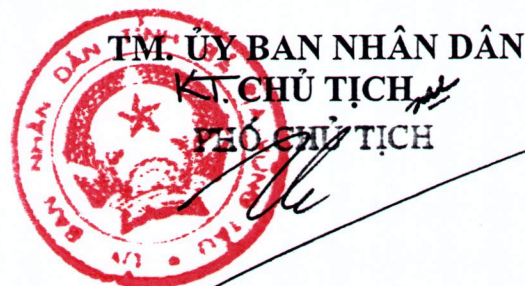
Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND Tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài nguyên môi trường, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các sở, ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (đề bc);
- Website Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB QPPL)(đề bc);
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh (đề bc);
- CT, các PCT và các ủy viên UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các Đoàn thể cấp tỉnh;
- Sở Tư pháp (để theo dõi);
- Đài PTTH tỉnh, Báo BR – VT;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Như điều 5;
- Lưu VT, TH.

(40) ST QĐqhGTT1.8.11



Trần Ngọc Thới

Phụ lục 1. Danh mục cảng cảng bến đang khai thác

STT	Tên cảng, bến	Vị trí	Loại cảng, bến	Cấp kỹ thuật	Tiếp nhận phương tiện
1	Ụ đóng sửa tàu thuyền Lộc An	Phải sông Bà Đấp	Ụ sửa chữa tàu		$\leq 2,0\text{m}$
2	Bến VLXD Long Sơn	Phải rạch Cá Sào Long Sơn	Bến VLXD		$\leq 3,0\text{m}$, (800T)
3	Cảng DVNC Hải Thành	Trái sông Cửa Lấp	Cảng DV nghề cá	Cấp IV	$\leq 2,4\text{m}$ (300T)
4	Bến tàu khách Cầu Quan	Trái sông Bến Đình	Bến tàu khách		$\leq 2,5\text{m}$ (50 chỗ)
5	Bến xăng dầu Duy Khang	Trái sông Cửa Lấp	Bến xăng dầu		$\leq 2\text{m}$ (100 T)
6	Bến xăng dầu Trần Hùng	Trái sông Cửa Lấp	Bến xăng dầu		$\leq 2\text{m}$ (150 T)
7	Bến VLXD Nguyễn Thảo	Trái sông Rạch Bà	Bến VLXD		$\leq 2\text{m}$
8	Bến xăng dầu Bến Súc	Trái sông Dinh	Bến xăng dầu		$< 2,5\text{m}$
9	Ụ đóng sửa tàu thuyền Phước Tinh	Trái sông Cửa Lấp	Ụ đóng, sửa tàu thuyền		$\leq 2\text{m}$ (150 T)
10	Cảng Cá mú	Trái sông Cửa Lấp	Cảng hàng hóa	Cấp III	$\leq 3\text{m}$ (1000T)
11	Cảng Phước An	Trái sông Dinh	Cảng xăng dầu, hàng hóa	Cấp III	3.0m (1000T)
12	Bến VLXD Hoàng Linh	Phải rạch Bà Thảo	Bến VLXD		$\leq 2,0\text{m}$ (500T)
13	Bến VLXD Minh Trang	Phải sông Mỏ Nhất	Bến VLXD		2.4m (300T)
14	Bến VLXD Cái Mép	Phải sông Mỏ Nhất	Bến VLXD		$\leq 3\text{m}$ (300T)
15	Ụ tàu Đông Xuyên	Trái sông Rạch Bà	Ụ sửa chữa tàu thuyền		$\leq 3\text{m}$ (3.000T-4.000T)
16	Bến VLXD Quyết Thắng	Trái sông Rạch Bà	Bến VLXD	Cấp IV	$\leq 2\text{m}$ (400T)
17	Cảng: dầu Nhà máy điện Bà Rịa	Phải sông Dinh	Cảng xăng dầu	Cấp III	$\leq 2\text{m}$ (400T)
18	Cảng : Ụ đóng sửa tàu thuyền	Trái sông Bến Đình	Bến: Ụ đóng		$\leq 2,0\text{m}$ (450CV)
19	Cảng : tàu khách Cầu Đá	Trái khu vực phap O	Cảng h.khách	Cấp II	2.7m (250 chỗ)
20	Ụ đóng sửa tàu thuyền Lửa Bạ	Trái sông Cửa Lấp	Ụ đóng sửa tàu thuyền		$\leq 2,0\text{m}$ (150 T)
21	Bến dầu Sao Mai	Trái luồng S.Mai-B.Đ	Cảng xăng dầu	Cấp IV	2.4m (300T)
22	Ụ đóng sửa tàu thuyền Tân Bền	Trái sông Cửa Lấp	Ụ đóng sửa tàu thuyền		135CV($\leq 2,0\text{m}$)
23	Ụ đóng sửa tàu thuyền Tân Bền 2	Trái sông Cửa Lấp	Ụ đóng sửa tàu thuyền		$\leq 2,0\text{m}$ (150 T)

24	Bến VLXD CN c.ty Đá Hóa An I	Phải rạch Bà Thảo	Bến VLXD		3.0m (800T)
25	Cảng Đức Hạnh	Trái sông Mỏ Nhất	Cảng VLXD	cấp III	2,4m (600T)
26	Vùng nước neo đậu tàu thuyền Mạnh Hà	Trái sông Dinh	Vùng nước neo		≤ 2,0m (150 T)
27	Ụ đóng sửa tàu thuyền Lửa Bạ 2	Trái sông Cửa Lấp	Ụ đóng sửa tàu thuyền		≤ 2,0m (150 T)
28	Bến chuyên dùng BĐATHH	Phải Rạch Bà	Bến chuyên dùng	Cấp IV	2,4m (600T), 50x12m
29	Bến VLXD Hồng Thuận	Phải Rạch Giếng Muối	Bến VLXD		≤ 2.0m (600T)
30	Bến VLXD An Ngãi	Trái sông Cò May	Bến VLXD		≤ 3,0m (800T)
31	Bến VLXD Hà Sơn	Trái Rạch Tre	Bến VLXD		≤3,0m (800T)
32	Bến Xăng dầu Hòa Bình	Trái sông Cửa Lấp	Bến xăng dầu		≤ 2,2m (150 T)
33	Bến neo đậu ca nô ĐTND	Trái Sông Dinh	Bến chuyên dùng		≤ 2.5m
34	Bến Kho muối Cò May	Phải sông Cò May	Bến muối		≤ 2.5m
35	Bến Công Thành	Trái sông Cửa Lấp	Bến cung cấp nước đá		≤ 2.0m
36	Bến VLXD Thành Chỉ	Trái sông Cửa Lấp	Bến VLXD tạm thời		≤ 2.0m

Phụ lục 2. Dự báo khối lượng vận tải đường thủy nội địa tỉnh như sau:

TT	Hạng Mục	Đơn vị	Năm 2015	Năm 2020	Ghi chú
1	Hàng trung chuyển tổng hợp	1000 tấn	1250	8.540	Phục vụ XNK
2	Hàng trung chuyển container	1000 TEU	250	564	Phục vụ XNK
3	Vật liệu xây dựng	1000 tấn	820	1500	VLXD
4	Hàng khô vận tải nội tỉnh	1000 tấn	500	1520	Phục vụ dân sinh
5	Thủy Sản	1000 tấn	206	329	
6	Hành khách & du lịch	1000HK	700	1800	
TỔNG CỘNG		1000 tấn	3198	11889	
		1000 TEU	250	564	
		1000HK	700	1800	

(Ghi chú: 1TEU=12,5Tấn)

Phụ lục 3. Thông số kỹ thuật phương tiện thủy như sau:

TT	Loại phương tiện (tấn)	Kích thước (m)			Ghi chú
		Ch/dài L	Rộng B	Mớn T	
1	Tàu pha sông biển:				
	Tàu 2000 tấn	90	13	3,3	
	Tàu 1000 tấn	75,00	10,5	2,80	
	Tàu 400 tấn	53,55	7,6	2,55	
2	Sà lan tự hành				
	300	52,3	7,36	2,37	
	200	40,2	8,20	2,00	
	120	32,6	7,2	1,80	
3	Sà lan kéo đẩy				
	500	35,0	9,2	2,60	
	300	37,1	6,6	2,00	
	250	36,0	8,0	1,75	
	200	36,0	7,0	1,60	
	100	26,9	5,0	1,56	
4	Tàu đánh cá 400cv	28,0	7,0	1,85	
	200cv	18,0	5,4	1,8	
	135cv	16,0	5,0	1,6	
5	Tàu khách Côn Đảo 200HK	49	10	3,2	
	Tàu khách TP.HCM-VT 120HK	34,68	9,55	1,4(3,21)	Tàu cánh ngầm
	Tàu khách Nam Bộ- VT 80HK	29,30	8,30	1,5(2,61)	Tàu cánh ngầm
	50HK	25	4,5	1,8	

Ghi chú: Trị số trong ngoặc là môn nước tàu cánh ngầm.

Phụ lục 4. Quy hoạch chi tiết các dự án cảng thủy nội địa

Nhóm I - Nhóm cảng dịch vụ và hỗ trợ cảng biển

STT	TÊN CẢNG	CHIỀU DÀI (m)	DIỆN TÍCH (ha)	CỖ TÀU (tấn)	GHI CHÚ
1	Cảng TND và kho bãi Hưng Long	700	72.0	300	Bổ sung
2	Cảng TND và kho bãi Bảo Thịnh - Vũng Tàu	800	70.0	300	Bổ sung
3	Cảng TND và kho bãi Thiện Tân - Trung Hiếu	500	7.5	300	Bổ sung
4	Cảng TND và kho bãi tổng hợp Getraco	540	40.0	1,000	
5	Trung tâm tiếp nhận và phân phối Container Cái Mép (DPV)	450	14.0	600	
6	Cảng TND và kho bãi Hồng Long	360	35.0	2,000	Cải tạo luồng
7	Cảng TND Phước Hòa (UDEC)	375	13.0	1,000	Cải tạo luồng
8	Khu dịch vụ công nghiệp TDC	300	50.0	1,000	Cải tạo luồng
9	Khu dịch vụ hậu cần cảng Tam Thắng	600	23.0	1,000	Cải tạo luồng
10	Cảng thủy nội địa và kho bãi Công ty CTGT	750	35.0	2,000	Cải tạo luồng
11	Khu dịch vụ kho bãi Hưng Thái	300	8.0	500	
12	Khu dịch vụ kho bãi Phúc Thái	375	20.0	2,000	
13	Khu dịch vụ hậu cần cảng Tài Tiến	300	14.0	600	
14	Cảng TND Bàn Thạch	250	8.0	1,000	
15	Cảng TND và kho bãi D&D	300	15.0	1,000	Cải tạo luồng
16	Cảng TND và kho bãi HABITAT	480	19.0	600	
17	Cảng TND và kho bãi Đức Bình	450	35.0	1,000	Cải tạo luồng
18	Khu dịch vụ cảng Lưu Nguyễn	250	250.0	600	
19	Cảng TND và kho bãi TTH	375	25.0	1,000	Cải tạo luồng
20	Cảng TND và kho bãi Bảo Nhi	500	26.8	2,000	
21	Cảng thủy nội địa & kho bãi hậu cần hạ lưu rạch Tắc Lớn	350	25.0	1,000	Bổ sung QH
22	Cảng thủy nội địa & kho bãi hậu cần hạ lưu rạch Mỏ Nhát	300	20.0	2,000	Bổ sung QH
	TỔNG CỘNG	9,605	825.3		

Nhóm II: Cảng phục vụ dân sinh

STT	TÊN CẢNG	CHIỀU DÀI (m)	DIỆN TÍCH (ha)	CỖ TÀU (tấn)	GHI CHÚ
1	Cảng Bà Rịa 1	360	6.5	100	
2	Cảng Bà Rịa 2	750	47.5	1,000	
3	Cảng Cây Khế	500	47.5	1,000	Đang xem xét
	Tổng cộng	1,610	101.5		

Nhóm III: Cảng vật liệu xây dựng – Chuyên dùng

STT	TÊN CẢNG	CHIỀU DÀI (m)	DIỆN TÍCH (ha)	CỖ TÀU (tấn)	GHI CHÚ
1	Cảng TNĐ Long Hương – Hồng Thuận	150	4,7	1,000	
2	Cảng VLXD Đức Hạnh	420	18	600	
3	Cảng TNĐ HICON	500	47,5	600	Xà lan boong
4	Cảng TNĐ GELEXIM	150	3,5	600	Xà lan boong
5	Nhà máy bê tông Hội Bài	300	21,5	2,000	
6	Khu dịch vụ công nghiệp Long Sơn	480	33,5	2,000	
7	Cảng sản xuất du thuyền Jonhny & Son	300	27	1,000	Tàu có tải
8	Nhà máy sản xuất du thuyền Đức Thu	140	5	1,000	Tàu có tải
9	Cảng thủy nội địa xăng dầu Cái Mép	240	2,45	1,000	Xà lan
	TỔNG CỘNG	2680	163.15		

Phụ lục 5. Danh mục và thông số quy hoạch các tuyến luồng tàu:

TT	HẠNG MỤC	CD (km)	CHUẨN TẮC LUỒNG						Cấp sông
			B (m)		Đáy nạo vét (m)		Rmin (m)		
			2015	2020	2015	2020	2015	2020	
1	Luồng Bàn Thạch	0,9	80	80	-6,3	-6,3	350	350	III
2	Luồng Ngã Tư								
	Đoạn 1: S. Thị Vải- Ngã 3 S.Mỏ Nhất	7,2	50	50	-5,0	-5,0÷-6,3	150	150	IV
	Đoạn 2: Ngã 3 S.Mỏ Nhất-Cảng Đức Hạnh	1,2	50	50	-5,0	-5,0÷-6,3	150	150	IV
3	Luồng Mỏ Nhất								
	Đoạn 1: cửa biển đến cầu	5,28	100	100	-6,3	-6,3÷-6,8	350	350	II
	Đoạn 2: Từ cầu lên TL Sg Mỏ Nhất	1,66		80		-6,3		350	III
4	Luồng sông Dinh								
	Đoạn 1: Cảng Trường Sa đến Ngã 3 Bến Súc	11,0	100	100	-6,3	-6,3	350	350	III
	Đoạn 2: Ngã 3 Bến Súc NM điện Bà Rịa	2,0	50	50	-4,0	-4,0	150	150	IV
5	Luồng sông Mũi Giui (Tuyến Sg Chà Và-Mũi Giui- Ba cội)	9,9	100	100	-6,3	-6,3	350	350	III
6	Luồng Sông Rạng (Vịnh Gành Rái – N3 S.Mũi Giui)	8,12		50		-5,0÷-6,3		150	IV
7	Luồng Sông Chà Và (Cửa biển- N3 S. Mũi Giui)	5,5	80	80	-6,3	-6,3	150	150	IV
8	Luồng Sông Ba Cội (N3 S.Dinh đến Ngã 3 Bến Súc)	4,0	100	100	-6,3	-6,3	350	350	III
9	Luồng Cò May – Cửa Lấp								
	Đoạn 1: Cầu Cò May- Cầu Cửa Lấp	11,5		50		-5,0		150	IV
	Đoạn 2: Cầu Cửa Lấp-Cửa Phước Tĩnh	4,50	50	50	-5,0	-5,0	150	150	IV
10	Luồng Sông Sao (từ cửa S. Thị Vải đến Cầu)	2,77	90	90	-6,8	-6,8	360	360	II

11	Tuyến luồng Vàm Treo Gùì - Sông Tắc Lớn - Rạch Ông (Từ biển vào đến cầu R.Ông)	13,8 8		90		-6,3		360	III
12	Tuyến luồng Rạch Ông (từ cầu R.Ông lên rạch Ngã Tư và sông Mỏ Nhát)	4,44	50	50	-5,0	-5,0÷-6,3	150	150	IV
13	Tuyến luồng sông Bà Tim	2,5	30	30- 50	-4,0÷- 5,0	-4,0÷-5,0	400	400	IV
14	Tuyến luồng sông Rạch Tre	1	40	40	-5,0	-5,0	400	400	IV
15	Tuyến luồng Bến Lội Bình Châu	1,25	50	50	-5,0	-5,0	400	400	IV
16	Tuyến luồng Lộc An	2	50	50	-5,0	-5,0	400	400	IV
17	Tuyến luồng Bến Đình	3	50	50	-5,0	-5,0	400	400	IV
18	Luồng Rạch Bà	1,15	50	50	-5,0	-5,0			IV